

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/DS-PT

Ngày: 28 - 9 - 2020

"V/v: tranh chấp quyền sử dụng đất"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Lưu

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Sỹ và ông Nguyễn Thái Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Kim Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2020/TLPT- DS ngày 17/4/2020 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2020/DS - ST ngày 18 tháng 02 năm 2020 của TAND huyện Minh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 835/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị X, địa chỉ: Thôn 1 T, thị trấn Q (trước đây là xã Q), huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lê G, địa chỉ: Thôn 1 T, thị trấn Q (trước đây là xã Q), huyện M, tỉnh Quảng Bình (theo văn bản ủy quyền ngày 27/8/2020). Có mặt.

Bị đơn: Bà Phan Thị H, địa chỉ: Thôn B (trước đây là thôn K), xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Đinh Xuân Đ, địa chỉ: Thôn B (trước đây là thôn K), xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình (ủy quyền cho bà Phan Thị H tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 28/9/2020). Ông Đ vắng mặt, bà H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Đinh Thị X trình bày: Năm 1991 gia đình bà X theo chủ trương của huyện di dân làm khu kinh tế mới tại khu vực kinh tế mới (nay là Khu kinh tế P, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình). Ngày 23/11/2003 bà X được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 7, tờ bản đồ số 02 (do nhầm lẫn nên tại Tòa án cấp sơ thẩm ghi tờ bản đồ số 01) diện tích 6.820m² tại thôn kinh tế P, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vì sơ suất nên gia đình bà X đã làm mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình bà đã làm thông báo cho UBND xã T và xin cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới, trong quá trình làm hồ sơ thì phát hiện gia đình bà Phan Thị H đã tự ý trồng cây trên đất của bà X, lấn chiếm với diện tích 5.234m². Vì vậy bà X làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị H phải trả lại quyền sử dụng đất với diện tích 5.234m².

Bị đơn bà Phan Thị H trình bày: Nguồn gốc thửa đất trên do bố chồng bà H là ông Đinh D khai hoang, năm 1992 theo chủ trương di dân đi xây dựng kinh tế mới, bố bà vào khai hoang tại Khu kinh tế P một số đất khá rộng với diện tích trên 10 héc ta. Vì gia đình sống có tình nghĩa nên đã cho bà Đinh Thị X mượn đất làm ăn thời vụ. Năm 2003 gia đình cho bà X mượn trồng một lứa keo đến năm 2010 bà X thu hoạch và gia đình lấy lại số đất bà mượn, bà cũng trả lại không có ý kiến gì. Năm 2010 gia đình bà H tiếp tục trồng cây keo và làm ăn bình thường, năm 2017 gia đình thu hoạch nhưng chưa trồng cây lại đến năm 2018 bà X thấy đất có giá đã làm đơn kiện gia đình bà H tranh chấp đất. Thực tế đất là của gia đình bà H khai hoang, mọi người trong thôn bản đều biết, gia đình bà X không có hộ khẩu tại thôn Kinh tế Pheo nên không được cấp đất. Nay bà X khởi kiện bà H lấn chiếm quyền sử dụng đất bà H không đồng ý.

Tại Bản án số: 03/2020/DS - ST ngày 18 tháng 02 năm 2020 của TAND huyện Minh Hóa đã quyết định:

Áp dụng: khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 143, 147, 186, 226 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 189 Bộ luật dân sự. Điều 100, Điều 202, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 26, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị X về việc buộc bà Phan Thị H trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm 5.234m².

- Buộc bà Phan Thị H phải trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm là 5.234m² cho bà Đinh Thị X, cụ thể: Cạnh phía Đông giáp đường mòn Hồ Chí Minh dài 89,7m; Cạnh phía Tây giáp đất bà H dài 91,5m; Cạnh phía Nam giáp đất ông Bán Văn Trung dài 69,8m; Cạnh phía Bắc giáp đất bà H dài 47,5m;

- Buộc bà Đinh Thị X phải trả lại giá trị cây trồng trên đất tranh chấp cho bà Phan Thị H số tiền 220.000 đồng. Bà Đinh Thị X được sở hữu 07 cây bạch đàn 04 cây tràm trên đất tranh chấp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Ngày 02/3/2020 bà Phan Thị H làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện, bà Phan Thị H không chấp nhận trả lại cho bà Đinh Thị X diện tích đất 5.234m² vì nguồn gốc thửa đất là do gia đình bà khai hoang và sử dụng từ năm 1988 đến nay.

Tại cấp phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với bà Đinh Thị X. Đề nghị UBND huyện Minh Hóa cho biết ý kiến đối với việc cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với bà Đinh Thị X và UBND huyện Minh Hóa đã có công văn trả lời số: 44/TNMT ngày 10/5/2020. Đồng thời, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành xác minh tại UBND xã Trung Hóa về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp.

Ngày 12/8/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa phúc thẩm, tại phiên tòa xét thấy cần phải bổ sung người tham gia tố tụng là ông Đinh Xuân Đ và cần thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tạm ngưng phiên tòa.

Ngày 24/8/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành lấy lời khai của ông Đinh Xuân Đ, ông Đ thống nhất trình bày như bị đơn bà Phan Thị H, ông là chồng của bà H, hiện nay ông Đào cùng với bà H đang sử dụng và trồng cây trên thửa đất số 07 tờ bản đồ số 02 diện tích 6.820m², ông cho rằng nguồn gốc thửa đất là do bố ông khai hoang từ năm 1988 sau đó để lại cho vợ chồng ông sử dụng, năm 2003 gia đình ông đã cho gia đình bà X mượn đất để trồng cây keo, không hiểu vì sao bà X lại được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 01/9/2020, UBND huyện Minh Hóa có công văn số 58/TNMT về việc UBND huyện đã cung cấp đầy đủ tài liệu liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đinh Thị X và Phan Thị H, UBND huyện không còn lưu trữ tài liệu nào khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến của mình, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo, không bổ sung, thay đổi hay rút đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Các vấn đề về quyền khởi kiện, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết và thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án đến ngày 02/3/2020 bà Phan Thị H làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo nằm trong hạn luật định, nội dung, hình thức đúng quy định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, căn cứ Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án được xét xử phúc thẩm.

Tại giấy ủy quyền ngày 05/4/2019 của bà Đinh Thị X có nội dung ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Lệ G để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm căn cứ vào giấy ủy quyền này để xác định chị Nguyễn Thị Lệ G là người đại diện theo ủy quyền của bà Đinh Thị X là có thiếu sót. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm bà Đinh Thị X có mặt, không có ý kiến khiếu nại gì. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, 27/8/2020 bà Đinh Thị X có đơn trình bày và bổ sung giấy ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Lệ G tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử thấy, về nội dung trong giấy ủy quyền ngày 05/4/2019 không ghi nhận việc ủy quyền tham gia tố tụng trong vụ án nhưng về ý chí bà Đinh Thị X có nguyện vọng ủy quyền cho chị G tham gia tố tụng, đã được bà X thừa nhận vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Trong vụ án này, ông Đinh Xuân Đ là chồng của bà Phan Thị H, trên thực tế ông Đ cùng với bà H sử dụng thửa đất đang tranh chấp nên Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung tư cách ông Đinh Xuân Đ tham gia vụ án là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa bà Đinh Thị X, ông Đinh Xuân Đ vắng mặt (ông Đ vắng mặt lần thứ 2 không có lý do) nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng, do đó Tòa án xét xử vắng mặt bà X, ông Đ theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét đơn kháng cáo của bà Phan Thị H không chấp nhận trả lại cho bà Đinh Thị X diện tích đất 5.234m², Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Theo lời khai của bà Phan Thị H về nguồn gốc thửa đất do chồng của bà là ông Đinh D khai hoang và được gia đình bà sử dụng từ năm 1988 đến nay. Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Trung Hóa, kết quả xác minh như sau: Năm 1990, 1991 theo chủ trương của UBND huyện Minh Hóa về di dân làm kinh tế tại khu kinh tế mới, ông Đinh D (bố chồng bà H) có về địa phương đi theo chương trình về khu kinh tế mới khai hoang một diện tích đất để làm ăn, diện tích cụ thể bao nhiêu thì không rõ. Sau đó một thời gian ông Đinh D chuyển về xã X sinh sống để lại đất cho vợ chồng con trai Đinh Xuân Đ và Phan Thị H tiếp tục khai hoang sử dụng. Qua xem xét rà soát hồ sơ lưu trữ tại UBND xã T thì ông Đinh D không liên quan đến thửa đất số 07, tờ bản đồ số 02 diện tích 6.820m² mà các bên đang tranh chấp, UBND xã T không có quyết định cấp đất cho ông D đối với thửa đất nói trên.

[2.2] Tại công văn số 44/TNMT ngày 10/5/2020 của UBND huyện Minh Hóa trình bày ý kiến về việc ông Đinh D chưa được UBND huyện Minh Hóa cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất tại vị trí thửa đất số 07, tờ bản đồ số 02 với diện tích 6.820m^2 (Bút lục 152).

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở khẳng định năm 1991, ông Đinh D (bố chồng bà H) đến xã T đi theo chương trình về khu kinh tế mới khai hoang một diện tích đất để làm ăn, tuy nhiên ông D không tiến hành kê khai, không làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó một thời gian ngắn, ông D chuyển về xã X sinh sống. UBND xã T chỉ xác nhận về thời gian ông D đến sinh sống, khai hoang và chuyển đi, không xác nhận diện tích đất khai hoang cụ thể bao nhiêu, vị trí ở đâu. Bà Phan Thị H cho rằng thửa đất đang tranh chấp do bố chồng khai hoang sau đó cho bà X mượn để sản xuất nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nguồn gốc đất cũng như giấy tờ hợp đồng mượn đất giữa ông Đinh D và bà Đinh Thị X. Do đó ý kiến của bị đơn bà Phan Thị H cho rằng nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp do bố chồng bà H là ông Đinh D khai hoang là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Tại biên bản xác minh ngày 11/6/2020 (Bút lục 160), UBND xã T cung cấp thêm thông tin theo hồ sơ lưu trữ tại UBND xã thì vào năm 2003 gia đình bà Phan Thị H và bà Đinh Thị X đều thực hiện kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng thời điểm. Tại quyết định số 623/2003-QĐ-UB ngày 03/11/2003 của UBND huyện Minh Hóa về việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở nông thôn đối với 439 hộ dân có danh sách kèm theo trong đó hộ ông Đinh Xuân Đ, bà Phan Thị H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 04, tờ bản đồ số 02 diện tích 5.180m^2 và Đinh Thị S tức bà Đinh Thị X (bà Đinh Thị X đã có đơn trình bày về việc sai lệch tên được Công an xã Q xác nhận) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 07 tờ bản đồ số 02 diện tích 6.820m^2 . Căn cứ trích lục tờ bản đồ số 02 được phê duyệt năm 2002 xã T thì thửa đất số 04, tờ bản đồ số 02 diện tích 5.180m^2 nằm liền kề với thửa đất số 07 tờ bản đồ số 02 diện tích 6.820m^2 .

Hội đồng xét xử thấy, khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND xã T đã thực hiện việc niêm yết công khai hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất tại xã trong thời hạn 15 ngày, không có ai có khiếu nại gì, gia đình ông Đinh Xuân Đ, bà Phan Thị H và gia đình bà Đinh Thị X đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng thời điểm. Bị đơn bà Phan Thị H trình bày không biết việc bà Đinh Thị X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ. Thời điểm bà Phan Thị H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số 02 diện tích 5.180m^2 bà H không có ý kiến khiếu nại gì, có nghĩa là bà đồng ý với diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hơn nữa, quá trình sử dụng thửa đất số 04, tờ bản đồ số 02, ông Đinh Xuân Đ và bà Phan Thị H đã làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhiều lần, ông Đ, bà H còn thừa nhận đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Cao Ngọc T, bà Lê Thị Hồng L, bà Trần Thị L, khi làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận và khi chuyển nhượng đất ông Đ, bà H đều biết việc bà X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 07, tờ bản đồ số 02 liền kề với thửa đất của mình nhưng không có ý kiến khiếu nại gì.

[2.4] Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/11/2003 cho bà Đinh Thị X tại thửa đất số 07, tờ bản đồ số 02 diện tích 6.820m², tại công văn số 44/TNMT ngày 10/5/2020 của UBND huyện Minh Hóa trình bày ý kiến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện Minh Hóa thực hiện theo đúng quy định của Luật đất đai 1993, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật đất đai ngày 29/6/2001; Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 và các văn bản khác của pháp luật đất đai, bà Đinh Thị X có quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 07, tờ bản đồ số 02 diện tích 6.820m². Hiện nay thửa đất số 07, tờ bản đồ số 02 diện tích 6.820m² đo vẽ lại thành thửa đất số 12, tờ bản đồ số 02 năm 2008 diện tích 5.584m², thửa đất số 04, tờ bản đồ số 02 diện tích 5.180m² của ông Đinh Xuân Đ và bà Phan Thị H được cấp đổi lại thành thửa đất số 61 tờ bản đồ số 02 năm 2008 diện tích 3.142m² (diện tích còn lại sau khi bà H chuyển nhượng QSDĐ cho ông Cao Ngọc T, bà Lê Thị Hồng L, bà Trần Thị L) đã được bà Phan Thị H, ông Đinh Xuân Đ thừa nhận.

Bị đơn bà Phan Thị H kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh do đó không có căn cứ để chấp nhận.

[2.5] Tại biên bản thẩm định ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa xác định diện tích đất tranh chấp là 5.234m² nằm trong thửa đất số 12, tờ bản đồ số 02 năm 2008 thuộc quyền sử dụng của bà Đinh Thị X. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Phan Thị H trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm 5.234m² là có cơ sở. Tuy nhiên, hiện nay xác định được ông Đinh Xuân Đ cùng với bà Phan Thị H đang sử dụng đất để trồng cây bạch đàn, cây tràm, vì vậy cần sửa án sơ thẩm buộc ông Đinh Xuân Đ cùng có nghĩa vụ trả lại đất đã lấn chiếm và buộc bà Đinh Thị X phải trả lại giá trị cây trồng trên đất tranh chấp cho bà Phan Thị H, ông Đinh Xuân Đ.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo của bà Phan Thị H không được chấp nhận nên bà Phan Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí tòa án, sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phan Thị H;

Áp dụng: khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 143, 147, 186, 226 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 189 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 100, Điều 202, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị X về việc buộc bà Phan Thị H trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm 5.234m².

- Buộc bà Phan Thị H, ông Đinh Xuân Đ phải trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm là 5.234m² cho bà Đinh Thị X, cụ thể: Cạnh phía Đông giáp đường mòn Hồ Chí Minh dài 89,7m; Cạnh phía Tây giáp đất bà H dài 91,5m; Cạnh phía Nam giáp đất ông Bán Văn T dài 69,8m; Cạnh phía Bắc giáp đất bà H dài 47,5m; Các điểm tọa độ có sơ đồ kèm theo: Điểm số 1 có tọa độ X= 493500,27 và Y = 1965392,74; Điểm số 2 có tọa độ X= 493572,65 và Y = 1965339,69; Điểm số 3a có tọa độ X= 493531 và Y = 1965283,6; Điểm số 4s có tọa độ X= 493472,6 và Y = 1965354.

- Buộc bà Đinh Thị X phải trả lại giá trị cây trồng trên đất tranh chấp cho bà Phan Thị H, ông Đinh Xuân Đ số tiền 220.000 đồng. Bà Đinh Thị X được sở hữu 07 cây bạch đàn 04 cây tràm trên đất tranh chấp.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng mà bà đã nộp tại biên lai số: AA/2017/0004288 ngày 18/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa.

Kể từ ngày tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm (18/02/2020) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (28/9/2020).

Nơi nhận:

- VKDND tỉnh Quảng Bình;
- TAND h.Minh Hóa;
- Chi cục THA h.Minh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Võ Bá Lưu